

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/DS-PT**

Ngày **14- 01- 2021**

V/v: "*Tranh chấp hủy hợp đồng
và Kết quả bán đấu giá tài sản
thi hành án dân sự*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Dụ
Ông Vũ Văn Túc

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuỳ Linh -Thư ký Tòa án tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị P Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc kiện “Tranh chấp hủy hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự” giữa các đương sự. Do bản án bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2020 /QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1946 đã chết ngày 04/12/2020, (Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị H gồm các con: Phạm Ngọc S, Phạm Thị Thanh Thủy, Phạm Thị T2, Phạm Văn T3). Người đại diện được ủy quyền: anh **Phạm Ngọc S**, sinh năm 1968; trú tại: Số 19, Khu TB, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2020). “có mặt”

Chị Phạm Lê D, sinh năm 1991; trú tại: Số 229, phố Q, phường QT, quận H, thành phố Hà Nội. Chị Phạm Lê P, sinh năm 1995; trú tại: Số 19, Khu TB, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện được ủy quyền: **Chị Lê Thị L**, sinh năm 1969; trú tại: Số 19, Khu TB, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình (Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2016 và ngày 25/6/2019). “có mặt”

- **Bị đơn:** Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB, tỉnh Hòa Bình; trụ sở: Khu Đoàn kết, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo uỷ quyền là ông Đinh Quang T- Phó Chi cục Thi hành án (văn bản uỷ quyền ngày 17/11/2020), “có mặt”

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Lê Thị L, sinh năm 1969; anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1968; cùng trú tại: Số 19, Khu TB, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình. “có mặt”

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: Số 21 đường Hai Bà Trưng, Tổ 18, phường P Lâm, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Công ty tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp BCV; Trụ sở P104 tập thể Ban vật giá Chính phủ, phố P, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Văn phòng giao dịch: Số 71, ngõ 125, đường T, phường X, thành phố Hà Nội.

- Ông T, sinh năm 1977; bà Trần Thị M, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị Bẩy, sinh năm 1959; bà Cao Thị H, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1975; cùng trú tại: Khu Hoa Lư, thị trấn B, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình; Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970; trú tại: Xóm Vó, xã Kim Bôi, Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

- **Người kháng cáo:** Ngày 28/8/2017, Người khởi kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo toàn bộ Bản án số 04/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

-**Kháng nghị:** Tại Quyết định số 01/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2016 nguyên đơn là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P trình bày:

Gia đình nguyên đơn gồm: Bà Lê Thị H, anh Phạm Ngọc S (là con trai của bà H), chị Lê Thị L (là vợ của anh S), chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P (là hai con của anh S, chị L) cùng chung sống tại ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất số 102, Tờ bản đồ 16, diện tích 285,6m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp 26/9/2002 mang tên Hộ anh Phạm Ngọc S. Nguồn gốc đất do bà H nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Minh (hiện nay đã chết) với giá 104.000.000 đồng; trả tiền hai lần: lần 1 vào ngày 13/02/1997, trả 64.000.000đ; lần 2 vào ngày 25/02/1997 trả 40.000.000đ. Trong các văn bản chuyển nhượng đất ghi anh Phạm Ngọc S (là con trai của bà) mua nhưng anh S không ký tên, chỉ có bà H ký tên và thanh toán tiền, bà chỉ cho anh S sinh sống nhờ trên mảnh đất đó. Năm 2004, vợ chồng anh S cùng các thành viên trong gia

đình cùng chung sức xây dựng một ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất này (mẹ đẻ và em gái của chị L, chị gái của anh S cho các con của vợ chồng anh một số tiền để xây dựng lên ngôi nhà).

Do anh S và chị L nợ tiền bà Nguyễn Thị Mai C nên bà C khởi kiện đòi tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và Tòa án nhân dân Huyện KB ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/DSST-QĐ ngày 19/3/2012 “Kê biên tài sản đang tranh chấp” là nhà ở và quyền sử dụng đất thổ cư đứng tên hộ anh S.

Ngày 23/3/2012; Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án) ban hành Quyết định chủ động thi hành án số 130/QĐ-CCTHA. Ngày 01/6/2012, Chi cục Thi hành án ban hành thông báo về việc cưỡng chế thi hành án số 217/TB-THA thông báo cưỡng chế thi hành án bằng biện pháp kê biên tài sản nhà và quyền sử dụng đất ở đứng tên hộ Phạm Ngọc S. Ngày 19/6/2012, Chi cục Thi hành án tiến hành “Kê biên xử lý tài sản” và sau đó Chi cục Thi hành án kê biên, cưỡng chế, bán đấu giá toàn bộ tài sản nhà, đất của cả gia đình nguyên đơn cho người khác.

Việc Chi cục thi hành án kê biên, cưỡng chế bán đấu giá tài sản chung của hộ gia đình anh S để thi hành nghĩa vụ trả nợ của hai thành viên trong hộ gia đình là chị L, anh S mà không thông báo cho các đồng sở hữu biết, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền được ưu tiên mua tài sản của các đồng sở hữu. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Huyện KB hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản và kết quả bán đấu giá đối với tài sản nêu trên.

- Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB (do ông Đinh Quang T) đại diện trình bày:

Trong quá trình Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình giải quyết vụ án dân sự kiện đòi tiền cho vay giữa nguyên đơn là bà C và bị đơn là chị L, anh S; bà C có đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tòa án nhân dân Huyện KB ban hành Quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/DSST - QĐ ngày 19/3/2012 với nội D “Kê biên tài sản đang tranh chấp” nhà ở và quyền sử dụng đất thổ cư đứng tên hộ anh Phạm Ngọc S.

Ngày 23/3/2012, Chi cục Thi hành án ban hành Quyết định số 130/QĐ/CCTHA thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân Huyện KB. Ngày 30/3/2012, Chi cục Thi hành án đã tổng đạt quyết định cho người phải thi hành (anh S là người nhận), biên bản tổng đạt ghi anh S có nghĩa vụ giao quyết định cho chị L.

Ngày 12/5/2012, Chi cục Thi hành án xác minh điều kiện thi hành án, hiện trạng đất, nhà ở 3 tầng, nhà để xe và ngày 01/6/2012, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 217/TB-THA cưỡng chế thi hành án bằng biện pháp kê biên

tài sản nhà và quyền sử dụng đất ở đứng tên hộ anh Phạm Ngọc S vào ngày 19/6/2012. Ngày 05/6/2012, tại Chi cục Thi hành án chị L đã nhận 02 quyết định nêu trên và chị L cam kết sẽ chuyển cho anh S.

Ngày 19/6/2012, Chi cục Thi hành án tiến hành kê biên xử lý tài sản. Khi lập biên bản có mặt chị L và anh S. Nội D biên bản thể hiện Chi cục Thi hành án thông báo cho chị L, anh S có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và các chi phí phát sinh trước một ngày làm việc khi cuộc đấu giá tài sản được mở. Do chị L, anh S không ký biên bản nên ngày 20/6/2012, Chi cục Thi hành án tổng đạt cho chị L, anh S Biên bản kê biên tài sản nêu trên và Biên bản bàn giao tài sản ngày 19/6/2012.

Sau đó, Chi cục Thi hành án nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2013/DS-PT ngày 08/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên xử buộc chị L, anh S phải trả cho bà C 1.332.481.000 đ (trong đó chị L phải trả cho bà C 708.137.500 đ, chị L và anh S phải liên đới trả cho bà C 700.037.500 đ). Do chị L, anh S không tự nguyện thi hành án và bà C có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-CCTHA ngày 11/01/2013 thi hành án theo đơn yêu cầu.

Chị L, anh S còn phải có nghĩa vụ phải thi hành 04 bản án, quyết định dân sự khác đã có hiệu lực pháp luật gồm: Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2011/DS-PT ngày 25/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình buộc chị L, anh S phải trả cho bà Trần Thị M 153.285.000đ; Quyết định sơ thẩm số 04/2012/QĐST-DS ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB buộc chị L, anh S phải trả cho ông Nguyễn Văn Hai 1.949.843.750đ; Quyết định sơ thẩm số 35/2012/QĐST-DS ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB buộc chị L phải trả cho bà Nguyễn Thị B 172.437.500đ; Quyết định sơ thẩm số 36/2012/QĐST-DS ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB buộc chị L phải trả cho bà Cao Thị Huyền 261.800.000đ; tổng số tiền chị L, anh S phải thi hành án dân sự là 3.945.542.250đ.

Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của bà M, ông Hai, bà B, bà Huyền, Chi cục Thi hành án ban hành: Quyết định thi hành án số 131/QĐ-CCTHA ngày 23/3/2012 thi hành theo đơn của bà M; Quyết định thi hành án số 161/QĐ-CCTHA ngày 10/5/2012 thi hành theo đơn của ông Hai; Quyết định thi hành án số 114/QĐ-CCTHA ngày 17/01/2013 thi hành theo đơn của bà B; Quyết định thi hành án số 115/QĐ-CCTHA ngày 17/01/2013 thi hành theo đơn của bà Huyền. Ngoài ra, Chi cục Thi hành án còn ban hành một số các quyết định thi hành án theo nội D của các bản án và các quyết định nêu trên về các khoản án phí đối với chị L, anh S.

Ngày 04/3/2013, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 154/TB-CCTHA yêu cầu chị L, anh S trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo có nghĩa vụ tự nguyện thi hành các khoản: án phí dân sự sơ thẩm và các khoản tiền phải trả cho những người được thi hành án trong 5 bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nêu trên.

Ngày 11/3/2013, tại Trường Tiểu học xã Kim Bôi, Huyện KB (là nơi công tác của chị L), Chi cục Thi hành án giao các quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu và thông báo nêu trên cho chị L. Chị L không nhận Quyết định số 112/QĐ-CCTHA ngày 11/01/2013 nên Chi cục Thi hành án tiến hành niêm yết.

Ngày 28/3/2013, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 204/TB-THA và thông báo xử lý tài sản đã kê biên theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân Huyện KB buộc chị L, anh S phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức thẩm định giá và bán đấu giá tài sản đã kê biên để thi hành án. Cùng ngày 28/3/2013, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 205/TB-THA về thỏa thuận giá tài sản kê biên để chị L, anh S và những người được thi hành án trong thời hạn 05 ngày có quyền thỏa thuận về giá tài sản kê biên hoặc lựa chọn tổ chức thẩm định giá. Hết thời hạn nêu trên nếu không lựa chọn thì Chi cục Thi hành án sẽ ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thẩm định giá tài sản kê biên làm căn cứ cho việc bán đấu giá tài sản.

Ngày 08/4/2013, Chi cục Thi hành án có Công văn số 03/CV-CCTHA mời Công ty tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp BCV (sau đây viết tắt là công ty BCV) định giá tài sản kê biên để đảm bảo thi hành án. Ngày 02/5/2013, Chi cục Thi hành án ký Hợp đồng thẩm định giá số 64/HĐ- TĐG/BCV, tại trụ sở Công ty BCV ở Hà Nội. Ngày 03/5/2013, Công ty BCV tiến hành việc thẩm định và Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 193/TB-CCTHA, thông báo cho các đương sự biết giá thẩm định tài sản nêu trên; trong thời hạn 05 ngày làm việc nếu có khiếu nại thì có quyền yêu cầu tổ chức thẩm định khác định giá lại tài sản. Cùng ngày, Thông báo số 193 được Chi cục Thi hành án niêm yết. Ngày 04/5/2013, Công ty BCV gửi kết quả thẩm định bằng văn bản cho Chi cục Thi hành án thể hiện tổng giá trị tài sản thẩm định là 1.945.400.000đ là giá tối thiểu (Chứng thư thẩm định giá số 151/BCV-HN/CT ngày 04/5/2013).

Ngày 08/5/2013, Chi cục Thi hành án ban hành Công văn số 338/CV-CCTHA gửi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình (sau đây viết tắt là Trung tâm bán đấu giá) căn cứ kết quả thẩm định, đề nghị Trung tâm bán đấu giá bán tài sản kê biên. Ngày 10/5/2013, Chi cục Thi hành án ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 20/HĐBĐG với Trung tâm bán đấu giá “Tên chủ sử dụng đất: anh Phạm Ngọc S...”, giá khởi điểm theo kết quả thẩm định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trình bày:

Ngày 10/5/2013, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản (sau đây viết tắt là Trung tâm bán đấu giá) ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 20/HĐBDG với Chi cục Thi hành án.

Ngày 13/5/2013, Trung tâm bán đấu giá ban hành Thông báo số 96/TB-BDG về việc xử lý và bán đấu giá tài sản bảo đảm thi hành án quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh Phạm Ngọc S, chị Lê Thị L và niêm yết ngày 15/5/2013, có thông báo công khai trên Đài truyền thanh, truyền hình Huyện KB 04 ngày từ ngày 16/5/2013 đến ngày 19/5/2013 theo Hợp đồng Thông tin tuyên truyền số 04/HĐ-TT.TH ngày 15/5/2013; thời lượng phát sóng truyền hình là 01 lần/ngày, phát sóng truyền thanh 03 lần/ngày. Ngày 13/6/2013, Trung tâm bán đấu giá ban hành Giấy mời số 133/GM-BDG tham dự cuộc đấu giá tài sản bảo đảm thi hành án; mời Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự, Công chứng viên Văn phòng công chứng số 1 Hòa Bình, người phải thi hành án là chị L và anh S; người được thi hành án, khách hàng đăng ký tham gia đấu giá (không ghi tên cụ thể), đại diện Trung tâm bán đấu giá.

Ngày 21/6/2013, Trung tâm bán đấu giá đã tổ chức bán đấu giá xong tài sản thi hành án. Theo Biên bản bán đấu giá, có 3 người tham gia đấu giá là: ông T, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Đức Hiếu. Người trúng đấu giá là ông Trung theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 24/HĐMB ngày 21/6/2013.

Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Doanh nghiệp BCV trình bày:

Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Doanh nghiệp BCV (sau đây viết tắt là Công ty BCV) có trụ sở chính tại Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103982862, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2009. Công ty BCV có Văn phòng đại diện tại Hòa Bình, địa chỉ: Số 12/17, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; hiện nay vẫn đang còn hoạt động. Theo giấy đăng ký hoạt động thì Văn phòng có chức năng giao dịch, không được phép hoạt động theo đăng ký về ngành, nghề kinh doanh của Công ty. Theo Luật Thi hành án dân sự thì Công ty BCV có trụ sở chính tại Hà Nội nhưng có văn phòng giao dịch tại Hòa Bình thì vẫn được phép thực hiện hoạt động thẩm định giá tài sản tại địa bàn Huyện KB, tỉnh Hòa Bình theo thư mời của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 02/5/2013, Công ty BCV đã ký Hợp đồng thẩm định giá số 64/HĐ-TĐG/BCV với Chi cục Thi hành án. Trên cơ sở bộ hồ sơ Chi cục Thi hành án cung cấp và khảo sát hiện trạng tài sản theo Biên bản kê biên ngày 04/5/2013,

Công ty BCV đã có Chứng thư thẩm định giá số 151/BCV-HN/CT gửi Chi cục Thi hành án để trả lời kết quả thẩm định giá toàn bộ tài sản được thẩm định với giá trị là 1.945.400.000đ, mức giá trên là giá tối thiểu, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng đối với tài sản trên đất, chưa bao gồm phí và các lệ phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có biểu phụ lục giá trị tài sản kèm theo). Các đặc điểm của từng hạng mục tài sản được nêu trong chứng thư thẩm định là do nhân viên của Công ty BCV tại thời điểm đó thực hiện.

Ông T trình bày:

Ngày 21/6/2013, ông là người mua trúng đấu giá tài sản thi hành án do Chi cục Thi hành án và Trung tâm bán đấu giá thực hiện việc bán đấu giá. Ngày 24/6/2013, ông trả đủ cho Trung tâm số tiền mua tài sản bán đấu giá là 1.950.000.000đ. Ngày 30/12/2016, Chi cục Thi hành án cưỡng chế giao tài sản cho ông. Ông không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn, chị L và anh S. Trong việc mua bán tài sản đấu giá, ông không vi phạm về thủ tục và đã trả đủ tiền cho bên bán thì ông phải được quyền sử dụng, sở hữu tài sản đã mua.

- Bà Nguyễn Thị Mai C, bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị B, bà Cao Thị Huyền trình bày: Các bà xác nhận đã nhận tiền từ Chi cục Thi hành án về việc thi hành bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định của Luật thi hành án dân sự nhưng chưa nhận đủ số tiền được công nhận, tuyên tại các quyết định, bản án có hiệu lực. Các bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chị L và anh S. Ông Nguyễn Văn Hai từ chối khai nhận các vấn đề có liên quan đến ông trong vụ án.

Chị Lê Thị L, và anh Phạm Ngọc S trình bày:

Việc Chi cục thi hành án kê biên, cưỡng chế bán đấu giá tài sản chung của hộ gia đình anh để thi hành nghĩa vụ trả nợ mà không thông báo cho các đồng sở hữu biết, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các đồng sở hữu. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Huyện KB hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản và kết quả bán đấu giá đối với tài sản, Anh S và chị L còn có yêu cầu độc lập: “Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 19.3.2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình”;

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 21/8/2017, Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ nội D yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Lê Thị L, anh Phạm Ngọc S.

Ngày 28, 29/8/2017, Người khởi kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo toàn bộ Bản án số 04/2017/DS-ST ngày

21/8/2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

Tại Quyết định số 01/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên huỷ hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2017/DS-PT ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

Sửa toàn bộ Bản án số 04/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Xử: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình thực hiện ngày 21/6/2013; Tuyên Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 24/HĐMB ngày 21/6/2013 giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình với ông T vô hiệu.

Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận.

Ngày 15/01/2018, Chi cục Thi hành án dân sự và Trung tâm bán đấu giá có đơn đề nghị giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Ngày 02/02/2018, bà Nguyễn Thị Mai C, bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị B, bà Cao Thị H, ông T có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2019/KN-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm huỷ toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý và giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngày 02 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân tối cao có thông báo số 272/TB-TA với nội D: Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 15/2019/KN-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Chị L và anh S trình bày:

- Bà H, chị D, chị P là người có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khối tài sản đưa ra bán đấu giá bị xâm phạm có quyền khởi kiện.

- Chi cục thi hành án dân sự Huyện KB tự ý đem bán tài sản của hộ gia đình là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền tài sản của hộ gia đình

- Về trình tự, thủ tục tiến hành kê biên tài sản đem bán đấu giá là không đúng theo quy định pháp luật, không đúng với giá trị thực tế tài sản của gia đình.

Do vậy, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên các nội D đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về kháng cáo, kháng nghị đều trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

Về nội D kháng nghị: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát tỉnh Hoà Bình căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, Quyết định giám đốc thẩm số 15/2019/KN-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm đã nhận định: “Quá trình thi hành án, bán đấu giá tài sản. Chi cục thi hành án dân sự Huyện KB và trung tâm bán đấu giá không đưa bà Lê Thị H cùng các con anh S là Phạm Lê D và Phạm Lê P vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thông báo tổng đạt các văn bản có liên quan trong việc cưỡng chế thi hành án nhà và đất mang tên hộ ông Phạm Ngọc S là không vi phạm Luật Thi hành án dân sự và Luật bán đấu giá tài sản”. Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 25/2017/DS-PT ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Viện kiểm sát tỉnh Hòa Bình rút toàn bộ nội D đã kháng nghị tại Quyết định số 01/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình.

Về nội D kháng cáo: Của nguyên đơn và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan (anh S và chị L: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị.

Căn cứ vào a khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình về vụ án “Tranh chấp hủy hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê P và chị Phạm Lê D với bị đơn là Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB, tỉnh Hòa Bình;

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Gia đình nguyên đơn gồm: Bà Lê Thị H, anh Phạm Ngọc S (là con trai của bà H), chị Lê Thị L (là vợ của anh S), chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P (là hai con của anh S, chị L) cùng chung sống tại ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất số 102, Tờ bản đồ 16, diện tích 285,6m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp 26/9/2002 mang tên Hộ anh Phạm Ngọc S.

Do anh S và chị L nợ tiền bà Nguyễn Thị Mai C nên bà C khởi kiện anh S, chị L. Quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và Tòa án nhân dân Huyện KB ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/DSST-QĐ ngày 19/3/2012 “Kê biên tài sản đang tranh chấp” là nhà ở và quyền sử dụng đất thổ cư đứng tên Hộ anh S.

Ngày 23/3/2012, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án) ban hành Quyết định số 130/QĐ/CCTHA thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân Huyện KB. Ngày 30/3/2012, Chi cục Thi hành án đã tổng đạt quyết định cho người phải thi hành (anh S là người nhận), biên bản tổng đạt ghi anh S có nghĩa vụ giao quyết định cho chị L.

Ngày 12/5/2012, Chi cục Thi hành án xác minh điều kiện thi hành án, hiện trạng đất, nhà ở 3 tầng, nhà để xe và ngày 01/6/2012, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 217/TB-THA cưỡng chế thi hành án bằng biện pháp kê biên tài sản nhà và quyền sử dụng đất ở đứng tên Hộ anh Phạm Ngọc S. Ngày 19/6/2012, Chi cục Thi hành án tiến hành kê biên xử lý tài sản.

[2] Sau đó, Chi cục Thi hành án nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2013/DS-PT ngày 08/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên xử buộc chị L, anh S phải trả cho bà C 1.332.481.000đ (trong đó chị L phải trả cho bà C 708.137.500đ, chị L và anh S phải liên đới trả cho bà C 700.037.500đ). Do chị L, anh S không tự nguyện thi hành án và bà C có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-CCTHA ngày 11/01/2013 thi hành án theo đơn yêu cầu.

[3] Chị L, anh S còn phải có nghĩa vụ phải thi hành 04 bản án, quyết định dân sự khác đã có hiệu lực pháp luật gồm: Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2011/DS-PT ngày 25/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình (buộc chị L, anh S phải trả cho bà Trần Thị M 153.285.000đ); Quyết định sơ thẩm số 04/2012/QĐST-DS ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB (buộc chị L, anh S phải trả cho ông Nguyễn Văn Hai 1.949.843.750đ); Quyết định sơ thẩm số 35/2012/QĐST-DS ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB (buộc chị L phải trả cho bà Nguyễn Thị B 172.437.500đ); Quyết định sơ thẩm số 36/2012/QĐST-DS ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB (buộc chị L phải trả cho bà Cao Thị H 261.800.000đ); Tổng số tiền chị L, anh S phải thi hành án dân sự là: 3.945.542.250đ.

Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của bà M, ông Hai, bà B, bà H, Chi cục Thi hành án dân sự đã ban hành các quyết định: Quyết định thi hành án số 131/QĐ-CCTHA ngày 23/3/2012 thi hành theo đơn của bà M; Quyết định thi hành án số 161/QĐ-CCTHA ngày 10/5/2012 thi hành theo đơn của ông Hai; Quyết định thi hành án số 114/QĐ-CCTHA ngày 17/01/2013 thi hành theo đơn của bà B; Quyết định Thi hành án số 115/QĐ-CCTHA ngày 17/01/2013 thi hành theo đơn của bà H. Ngoài ra, Chi cục Thi hành án còn ban hành một số các quyết định thi hành án theo nội D của các bản án và các quyết định nêu trên về các khoản án phí đối với chị L, anh S.

[4]. Về nội D kháng nghị: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đã rút toàn bộ nội D đã kháng nghị. Căn cứ vào khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị.

[5]. Về nội D kháng cáo:

5.1. Người khởi kiện là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2016 và sửa chữa bổ sung ngày 26/10/2016, Người khởi kiện là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy kết quả bán đấu giá tài sản (*Ngày 21/6/2013, giữa Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hoà Bình – bên bán tài sản và ông T – bên mua tài sản*) vì lý do Cơ quan Thi hành án dân sự Huyện KB không xác minh về nguồn gốc tài sản, điều kiện về tài sản, không thông báo về việc bán đấu giá;

Ngày 02/02/2017 có đơn bổ sung đơn khởi kiện lần 1 với nội D: Hủy Biên bản cưỡng chế giao nhà ngày 30/12/2016 (*Chi cục thi hành án dân sự Huyện KB cưỡng chế giao nhà cho người mua trúng đấu giá - ông Trung*)

Ngày 28/5/2017 có đơn bổ sung đơn khởi kiện lần 2 với nội D: Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 20/HĐBĐG ngày 10/5/2013 (*giữa Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản với Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB*).

Trong vụ án này, vì anh S và chị L là người phải thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án nên cơ quan Thi hành án dân sự Huyện KB ngày 28/3/2013 đã ra thông báo số 204 với nội D: Hết thời hạn tự nguyện thi hành án, cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã kê biên theo Quyết định ADBPKCTT số 01 ngày 19.3.2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình, đồng thời ban hành thông báo số 205 với nội D để bà L, ông S và người được thi hành án trong thời hạn 05 ngày có quyền thoả thuận về giá tài sản kê biên hoặc lựa chọn tổ chức thẩm định giá, hết thời hạn nêu trên nếu không lựa chọn thì Chi cục THADS sẽ ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Hoà Bình thẩm định giá tài sản làm căn cứ cho việc bán đấu giá (*Theo giấy báo phát gửi cho bà L số 350411015 ngày 01/4/2013*). Ngày 10/5/2013, Chi cục Thi hành án đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 20/HĐBĐG với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá “Tên chủ sử dụng đất: anh Phạm Ngọc S...”, giá khởi điểm theo kết quả thẩm định.

Xác định việc cơ quan Thi hành án dân sự đưa tài sản ra bán đấu giá do bị cưỡng chế thi hành án. Việc bán đấu giá tài sản để thi hành án này là khác với bán đấu giá thông thường, tranh chấp về kết quả bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là tranh chấp quy định tại khoản 13 Điều 26 BLTTDS năm 2015, khác với tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản thông thường quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 (Tất cả các chủ thể tham gia vào giao dịch bán đấu giá tài sản thông thường đều có quyền khởi kiện tranh chấp về giao dịch mà họ đã tham gia). Tuy nhiên, đối với yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản bị cưỡng chế thi hành án (là loại tranh chấp quy định tại khoản 13 Điều 26 BLTTDS) thì chủ thể có quyền khởi kiện được quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014): “*Người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản*”.

Người có tài sản bán đấu giá là Chấp hành viên, chủ sở hữu tài sản đã mất quyền là người có tài sản bán đấu giá, mất quyền là bên bán trong giao dịch mua bán tài sản. Nếu đã hết thời gian ấn định để tự nguyện thi hành án mà các đương sự không tự nguyện thi hành, Cơ quan thi hành án đã có quyết định cưỡng chế thi hành án (kể cả trường hợp chưa có quyết định cưỡng chế nhưng đã có quyết định bảo đảm thi hành án) thì họ không còn quyền ký hợp đồng thuê dịch vụ đấu giá nữa. Trường hợp này, người ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức bán đấu giá là Chấp hành viên, người được coi là người có tài sản đấu giá là Chấp hành viên.

Luật Thi hành án dân sự không quy định người phải thi hành, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh

chấp về kết quả bán đấu giá tài sản. Do vậy, người phải thi hành án (anh S, chị L), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H, chị D, chị P) nếu không đồng ý với kết quả bán đấu giá tài sản thì họ không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết loại tranh chấp này. Nếu người phải thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có căn cứ cho rằng cơ quan thi hành án có hành vi, quyết định kê biên, định giá và bán đấu giá đối với tài sản của họ để thi hành án trái pháp luật thì họ có quyền khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Luật Thi hành án dân sự. Việc giải quyết khiếu nại của họ được thực hiện theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật Thi hành án dân sự. Người bị thiệt hại do quyết định thi hành án, hành vi thi hành án vi phạm pháp luật được bồi thường theo quy định của pháp luật về Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Theo khoản 3 Điều 102 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 quy định: *“Việc xử lý hậu quả và bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy được giải quyết theo quy định của pháp luật.”*

Mặt khác, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chỉ quy định can thiệp bằng chế tài dân sự đối với “Kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua tài sản bán đấu giá”, phạm vi xét xử của Tòa án đối với tranh chấp về bán đấu giá tài sản bị cưỡng chế thi hành án không phải là toàn bộ giao dịch đấu giá tài sản; Tòa án không có thẩm quyền xem xét việc cưỡng chế thi hành án có đúng pháp luật hay không. Các quyết định, hành vi về thi hành án bị khiếu nại, tố cáo không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án trong vụ án tranh chấp về kết quả bán đấu giá.

Tại văn bản số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giải thích, theo quy định tại khoản 13 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật THADS.

Như vậy, Người khởi kiện là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo khoản 13 Điều 26 BLTTDS 2015 là không đúng. Mặt khác cấp sơ thẩm, thụ lý vụ án giải quyết yêu cầu tranh chấp hủy hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án nhưng lại phân tích, đánh giá về toàn bộ quá trình thi hành án. Đó là sai lầm về phạm vi xét xử.

5.2. Về yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan là anh S và chị L:

Anh Phạm Ngọc S (là con trai của bà H), chị Lê Thị L (là vợ của anh S), chị Phạm Lê D, chị Phạm Lê P (là hai con của anh S, chị L), Anh S và chị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã trình bày các ý kiến của mình trên cơ sở đồng ý với ý kiến của người khởi kiện trong vụ án. Đến ngày 14.7.2017 Anh S và chị L có đơn yêu cầu độc lập với nội D: “Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/DSST- QĐ ngày 19.3.2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình” với nội D: Kê biên tài sản đang tranh chấp là nhà và quyền sử dụng đất thổ cư mang tên Hộ anh S.

Xét thấy: Cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết yêu cầu độc lập của anh S và chị L trong vụ án này là không đúng theo quy định bởi lẽ:

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được lập ngày 31/5/2017 đã xác định về phạm vi khởi kiện và yêu cầu của các bên tham gia, tuy nhiên đến ngày 14.7.2017 thì anh S và chị L mới có đơn yêu cầu độc lập (bl 651) và đến ngày 17/7/2017 mới nộp tiền tạm ứng án phí (sau ngày Quyết định đưa vụ án ra xét xử 14/7/2017). Theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”.

Cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết nhưng lại nhận định trong bản án: “*Quyết định APBPKCTT số 01 ngày 19/3/2012 và số 03 ngày 03/8/2012 của TAND Huyện KB ban hành không đúng quy định của pháp luật, nhưng đến thời điểm hiện tại đã được thi hành án xong và người có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là bà C đã nhận lại số tiền đặt bảo đảm nên việc hủy bỏ là không cần thiết nữa*”. Việc nhận định như vậy là không đúng bởi lẽ: Trong vụ án này, cơ quan Thi hành án thực hiện việc kê biên, cưỡng chế tài sản để thi hành án theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/DSST-QĐ ngày 19.3/2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB, do vậy anh S, chị L có yêu cầu Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 19.3.2012 của Tòa án nhân dân Huyện KB thì phải được giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 138 BLTTDS 2015: “*Trường hợp đã có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì việc giải quyết yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do một Thẩm phán được Chánh án của Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phân công giải quyết*”.

[6]. Từ những nhận định trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm ảnh hưởng đến quyền

và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án, cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình về vụ án “Tranh chấp hủy hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đã rút kháng nghị.

2. Căn cứ vào a khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình về vụ án “Tranh chấp hủy hợp đồng và kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị H, chị Phạm Lê P và chị Phạm Lê D với bị đơn là Chi cục Thi hành án dân sự Huyện KB, tỉnh Hòa Bình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình, Công ty tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp BCV, ông T, bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị B, bà Cao Thị H, bà Nguyễn Thị Mai C, ông Nguyễn Văn H1, chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc S.

3. Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

- Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại cho bà H (*anh Phạm Ngọc S là người được kế thừa quyền nhận*), chị D, chị P, ông S, bà L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0001045, 0001046, 0001047, 0001048, 0001049 ngày 31/8/2017 đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự Huyện KB, tỉnh Hòa Bình (*mỗi người 300.000 đồng*).

- Về số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã nộp theo biên lai số 0002873, 0002874, 0002875 ngày 14/11/2016 và biên lai số 0001015, 0001016 ngày 17/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện KB được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

4. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện KB, tỉnh Hòa Bình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án NDCC tại Hà Nội;
- Viện KSNDCC tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND Huyện KB, Hòa Bình;
- TAND Huyện KB, Hòa Bình;
- Chi cục THADS Kim Bôi, Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TH, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn